

## THÔNG TƯ

**Quy định tiêu chuẩn, điều kiện thi hoặc xét thăng hạng; hình thức, nội dung và xác định người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thư viện, di sản văn hóa, văn hóa cơ sở, tuyên truyền viên văn hóa, nghệ thuật biểu diễn, điện ảnh và mỹ thuật**

*Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2023/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ;*

*Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định tiêu chuẩn, điều kiện thi hoặc xét thăng hạng; hình thức, nội dung và xác định người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thư viện, di sản văn hóa, văn hóa cơ sở, tuyên truyền viên văn hóa, nghệ thuật biểu diễn, điện ảnh và mỹ thuật.*

## Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định tiêu chuẩn, điều kiện thi hoặc xét thăng hạng; hình thức, nội dung và xác định người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thư viện, di sản văn hóa, văn hóa cơ sở, tuyên truyền viên văn hóa, nghệ thuật biểu diễn, điện ảnh và mỹ thuật (sau đây gọi là chuyên ngành văn hóa).

2. Thông tư này áp dụng đối với viên chức chuyên ngành văn hóa công tác trong các đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

### Điều 2. Tiêu chuẩn, điều kiện dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp

1. Được cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền cử tham dự kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

2. Đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

3. Đáp ứng yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự thi theo quy định tại: Thông tư số 16/2021/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành di sản văn hóa; Thông tư số 02/2022/TT-BVHTTDL ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành thư viện; Thông tư số 03/2022/TT-BVHTTDL ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành văn hóa cơ sở; Thông tư số 09/2022/TT-BVHTTDL ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành mỹ thuật; Thông tư số 10/2022/TT-BVHTTDL ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn, điện ảnh; Thông tư số 02/2023/TT-BVHTTDL ngày 21 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành truyền hình viên văn hóa.

### **Điều 3. Tiêu chuẩn, điều kiện dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp**

Viên chức đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện tại Điều 2 Thông tư này thuộc các trường hợp sau được dự xét thăng hạng:

1. Viên chức giữ chức danh nghề nghiệp chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn, điện ảnh và chuyên ngành mỹ thuật được tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú” hoặc được tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” về văn học nghệ thuật quy định tại điểm b khoản 4 của các Điều 4, 5, 8 và 9 Thông tư số 10/2022/TT-BVHTTDL ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh; tại điểm b khoản 4 của các Điều 4 và 5 Thông tư số 09/2022/TT-BVHTTDL ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành mỹ thuật, được sử dụng một lần danh hiệu hoặc giải thưởng để dự xét thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp cao hơn liền kề.

2. Viên chức chuyên ngành văn hóa hạng IV lên viên chức chuyên ngành văn hóa hạng III: Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện tại Điều 2 Thông tư này và là viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp chuyên ngành văn hóa hạng IV.

## **Chương II**

### **HỒ SƠ, HÌNH THỨC, NỘI DUNG; XÁC ĐỊNH NGƯỜI TRÚNG TUYỂN TRONG KỲ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP**

#### **Điều 4. Hồ sơ, hình thức, nội dung xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp**

Căn cứ vị trí việc làm và nhu cầu của đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan sử dụng viên chức đề nghị cơ quan quản lý viên chức xem xét, quyết định theo

thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp như sau:

1. Hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành văn hóa thực hiện theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

2. Hình thức xét thăng hạng: Thẩm định hồ sơ.

3. Nội dung xét thăng hạng: Thẩm định việc đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng quy định tại Điều 3 Thông tư này.

#### **Điều 5. Xác định người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng**

1. Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng là viên chức đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư này và được người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức xét thăng hạng công nhận kết quả trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng.

2. Trường hợp có từ 02 người trở lên bằng nhau khi thẩm định hồ sơ đã đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh dự xét ở chỉ tiêu cuối cùng thì việc xác định người trúng tuyển được thực hiện theo thứ tự ưu tiên: Viên chức là nữ; viên chức là người dân tộc thiểu số; viên chức nhiều tuổi hơn (tính theo ngày, tháng, năm); viên chức có thời gian công tác nhiều hơn.

Nếu vẫn không xác định được người trúng tuyển thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp xem xét, quyết định sau khi trao đổi với người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức.

### **Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 6. Tổ chức thực hiện**

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập căn cứ tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Thông tư này theo thẩm quyền được giao cử viên chức tham dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp và chịu trách nhiệm về tiêu chuẩn, điều kiện của viên chức được cử tham dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo thẩm quyền được giao tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành văn hóa đảm bảo thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

#### **Điều 7. Hiệu lực thi hành và trách nhiệm thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2023.

2. Bãi bỏ Thông tư số 10/2019/TT-BVHTTDL ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định tiêu chuẩn, điều kiện,

nội dung và hình thức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thư viện, di sản văn hóa, văn hóa cơ sở, nghệ thuật biểu diễn, điện ảnh và mỹ thuật.

3. Đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt đề án, kế hoạch tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành văn hóa trước ngày ban hành Thông tư này thì tiếp tục thực hiện theo đề án, kế hoạch đã được phê duyệt trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành. Sau thời hạn này nếu không hoàn thành thì thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

4. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản mới đó.

5. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

6. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**Nơi nhận:**

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ VHTTDL;
- Các Cục, Vụ, đơn vị thuộc Bộ VHTTDL;
- Sở VHTTDL, Sở VHNT;
- Công báo, Cổng TTĐT Chính phủ: Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;
- Cổng TTĐT Bộ VHTTDL;
- Lưu: VT, TCCB.AT.300.

**BỘ TRƯỞNG**



**Nguyễn Văn Hùng**